TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG** Bản án số:26/2025/HS-ST Ngày 20/3/2025	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Phương
2. Bà Phạm Thị Bích Hường

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thuý Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2025/TLST-HS, ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố T theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/QĐXX-HS ngày 08/3/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/4/1978; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Tổ 13 phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1945; Anh, chị, em ruột: Không, bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Chồng: Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1976; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

** Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang . Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:*

+ Bà Lê Thị Ánh N, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ dân phố 22, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Vi Anh Đ, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ 7 phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2024, do biết nhiều người khó khăn về tài chính, có nhu cầu vay tiền nên Nguyễn Thị H, trú tại tổ dân phố 13, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao để kiếm lời.

Từ tháng 4/2024 đến tháng 01/2025, Nguyễn Thị H đã cho anh Vi Anh Đ, trú tại Tổ dân phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và chị Lê Thị Ánh N, trú tại Tổ dân phố 22, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay với mức lãi suất từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thỏa thuận trả lãi theo tháng, mỗi tháng tính tròn 30 ngày (tương ứng với lãi xuất 144% đến 180%/01 năm), gấp từ 7,2 lần đến 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự *(20%/01 năm)*. Cụ thể như sau:

Ngày 04/4/2024, Nguyễn Thị H cho anh Vi Anh Đ vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thoả thuận trả lãi theo tháng (mỗi tháng tính tròn 30 ngày), tức là 01 tháng anh Đ phải trả cho H 24.000.000 đồng tiền lãi, thời điểm trả tiền lãi là ngày mùng 4 hàng tháng. H trừ luôn tiền lãi tháng đầu 24.000.000 đồng vào tiền vay gốc và dùng tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank) số 107005822651 chuyển số tiền 176.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Quân đội số 889018889 của anh Đ. Từ ngày 04/4/2024 đến ngày 04/01/2025, anh Đ đã trả tiền lãi cho H 08 lần, với số tiền 192.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng của Đức *(Tài khoản ngân hàng Vietinbank số 660661809999, tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0991000022571 và tài khoản ngân hàng Agribank số 8105868555789)* đến tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 107005822651 của H. Như vậy, anh Vi Anh Đ đã trả cho H 09 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 216.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi theo quy định là 30.000.000 đồng, số tiền H thu lợi trái pháp luật là 186.000.000 đồng. Hiện tại, anh Đ còn nợ H 200.000.000 đồng tiền gốc.

Ngày 09/5/2024, Nguyễn Thị H cho chị Lê Thị Ánh N vay số tiền 30.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thoả thuận trả tiền lãi theo tháng (mỗi tháng tính tròn 30 ngày), tức là 01 tháng chị N phải trả cho H 4.500.000 đồng tiền lãi, thời điểm trả lãi là ngày mùng 9 hàng tháng. Khi vay, H yêu cầu chị N viết giấy vay tiền vào 01 quyển sổ, trên giấy vay tiền không thể hiện lãi suất. H trừ luôn tiền lãi tháng đầu là 4.500.000 đồng vào tiền vay gốc và dùng tài khoản Ngân hàng Viettinbank số 107005822651 chuyển số tiền 25.500.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Viettinbank số 10605822652 của chị N.

Từ ngày 09/5/2024 đến ngày 09/01/2025, chị N đã trả tiền lãi bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng Vietinbank số 106005822652 của chị N đến tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 107005822651 của H 07 lần, số tiền là 31.500.000 đồng. Như vậy, chị N đã trả cho H 08 tháng tiền lãi với tổng số tiền 36.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi theo quy định là 4.000.000 đồng, số tiền H thu lợi trái pháp luật là 32.000.000 đồng. Hiện tại, chị N còn nợ H 30.000.000

đồng tiền gốc.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 4/2024 đến tháng 01/2025, tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Nguyễn Thị H đã cho anh Vi Anh Đ và chị Lê Thị Ánh N vay tổng số tiền là 230.000.000 đồng, tổng số tiền lãi bị cáo đã thu được là 252.000.000 đồng. Trong đó: số tiền lãi theo quy định là 34.000.000 đồng, số tiền thu lợi trái pháp luật là **218.000.000** đồng.

Tiến hành trưng cầu giám định chữ viết chữ ký trên giấy vay tiền được ghi trong 01 quyển sổ thu giữ của Nguyễn Thị H. Tại Bản kết luận giám định số 195/KLGĐ ngày 07/02/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

- Chữ viết phần nội dung, chữ ký ghi tên Vi Anh Đ trên mẫu cần giám định ký (trừ chữ viết, "Ngày 15/12/2024, Người dao nộp"; chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H) với chữ viết, chữ ký đứng tên Vi Anh Đ trên mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký.

- Chữ viết phần nội dung, chữ ký ghi tên Lê Thị Ánh N trên mẫu cần giám định (trừ chữ viết, "Ngày 15/12/2024, Người dao nộp"; chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị H) với chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Thị Ánh N trên mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, đồ vật thu giữ, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng với tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKSTP ngày 24/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân nhân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H, về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", quy định tại khoản 2, Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 của Bộ Luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; Phạt tiền đối với bị cáo từ 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) đến 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo:

Đề nghị HĐXX: Truy thu nộp Ngân sách nhà nước đối với số tiền gốc 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) và số tiền lãi hợp pháp theo quy định là 34.000.000 đồng (*Ba mươi tư triệu đồng*), trong đó: Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 34.000.000 đồng (*Ba mươi tư triệu đồng*); Anh Vi Anh Đ phải nộp số

tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*); Chị Lê Thị Ánh N phải nộp lại số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*); Buộc bị cáo Nguyễn Thị H trả lại tiền thu lợi bất chính cho 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vi Anh Đ là 186.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi sáu triệu đồng*), chị Lê Thị Ánh N là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T ngày 19/3/2025; Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 quyển sổ có bìa da màu đen (tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T); Tiếp tục phong tỏa số tiền của Nguyễn Thị H trong tài khoản số 107005822651 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ViettinBank) chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đối với số tiền 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Nguyễn Thị H.

- Tuyên nghĩa vụ chịu án phí của bị cáo và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không kêu oan, nội dung khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người liên quan, không có tình tiết mới, bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận điều tra, nhất trí với nội dung cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, bị cáo không có ý kiến gì về nội dung khai của người liên quan tại phiên tòa vắng mặt tại phiên tòa (được HĐXX công bố tại phiên tòa), không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vi Anh Đ và chị Lê Thị Ánh N vắng mặt tại phiên toà có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, đồ vật thu giữ, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng với tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 04/4/2024 đến ngày 09/01/2025, tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Thị H, trú tại Tổ dân phố 13, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cho Vi Anh Đ, trú tại Tổ dân phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và Lê Thị Ánh N, trú tại Tổ dân phố 22, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vay tổng số tiền là **230.000.000** đồng, với lãi suất từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thỏa thuận trả lãi theo tháng (tính tròn 1 tháng là 30 ngày), tương đương mức lãi suất từ 144% đến 180%/01 năm, gấp từ 7,2 lần đến 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự *(20%/năm)*.

Tổng số tiền lãi Nguyễn Thị H đã thu là 252.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 34.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính từ hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Thị H là **218.000.000** đồng *(Hai trăm mười tám triệu đồng).*

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã cho người khác vay tiền với lãi suất từ 144% đến 180%/01 năm, gấp từ 7,2 lần đến 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự *(là 20%/năm)*, hành vi của bị cáo cấu thành tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự và là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu kiếm tiền chân chính mà lại lợi dụng khó khăn về tài chính của người khác để thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự; Theo Biên lai thu tiền số 0000294 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, bị cáo đã nộp 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền thu lời

bất chính do vậy bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội, do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*phạm tội 02 lần trở lên"*, quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: HĐXX nhận thấy, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã tự nguyện nộp 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền thu lời bất chính nên xét thấy để đảm bảo sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội thì áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội cũng như tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử xét thấy, tính chất loại tội bị cáo phạm tội, mục đích hướng tới khi thực hiện hành vi là lợi nhuận. Tuy nhiên bị cáo không hành nghề về kinh doanh tài chính, cầm đồ do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

[7] Về Biện pháp tư pháp đối với tội cho vay lãi nặng: Căn cứ Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 Hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", cần xử tịch thu:

- Đối với khoản tiền cho vay (tiền gốc): Tổng số tiền gốc bị cáo cho vay là 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*), đây là khoản tiền bị cáo sử dụng phạm tội nên cần truy thu toàn bộ số tiền gốc đối với Nguyễn Thị H nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Do số tiền gốc anh Vi Anh Đ và chị Lê Thị Ánh N chưa trả cho Nguyễn Thị H nên buộc anh Vi Anh Đ và chị Lê Thị Ánh N phải nộp lại số tiền gốc đã vay của bị cáo để tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 34.000.000 đồng (*Ba mươi tư triệu đồng*) là số tiền do bị cáo phạm tội mà có cần truy thu để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Về khoản tiền lãi và khoản tiền thu lợi bất chính:

* Đối với khoản tiền lãi suất vượt quá trên 20%/năm là 218.000.000 đồng (*Hai trăm mười tám triệu đồng*), đây là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính từ những người vay cần được trả lại cho người vay. Tại biên bản ghi lời khai tại Cơ quan Điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu bị cáo trả lại tiền lãi bất hợp pháp, cần xử buộc bị cáo Nguyễn Thị H trả lại khoản tiền thu lợi bất chính (khoản tiền vượt quá lãi suất Nhà nước quy định) cho những người vay. Trong đó, số tiền lãi H thu lợi trái pháp luật từ anh Đ là 186.000.000 đồng, số tiền lãi H thu lợi trái pháp luật từ chị N là 32.000.000 đồng. Tại phiên tòa xác định được số tiền lãi anh Vi Anh Đ và chị Lê Thị Ánh N đã chuyển khoản cho H đầy đủ, do vậy bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm toàn bộ khoản tiền này.

- Đối với số tiền của Nguyễn Thị H trong tài khoản số 107005822651 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ViettinBank) chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đối với số tiền 26.000.000 đồng: Ngày 17/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ban hành Lệnh phong tỏa tài khoản, xét thấy không có căn cứ xác định là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên không tịch thu sung quỹ Nhà nước nhưng tiếp tục phong tỏa để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Nguyễn Thị H.

[8] Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS; Điều 5 Nghị Quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

Đối với: 01 (Một) quyển sổ có bìa bằng da màu đen, góc bên phải có chữ màu vàng nhãn hiệu "RICOH MC-033", bên trong có nhiều trang giấy có dòng kẻ ngang, có một số trang có ghi chữ giấy vay tiền bằng mực màu đen và mực màu xanh là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án. (tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T).

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 của Bộ Luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị H** phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*";

Xử phạt: Phạt tiền 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

2. Về Biện pháp tư pháp:

- Truy thu nộp Ngân sách nhà nước đối với số tiền gốc 230.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) và số tiền lãi hợp pháp theo quy định là 34.000.000 đồng (*Ba mươi tư triệu đồng*), trong đó:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 34.000.000 đồng (*Ba mươi tư triệu đồng*)

+ Buộc anh Vi Anh Đ phải nộp số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*);

+ Buộc chị Lê Thị Ánh N phải nộp lại số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H trả lại tiền thu lợi bất chính cho 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vi Anh Đ là 186.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi sáu triệu đồng*), chị Lê Thị Ánh N là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000294 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 (Một) quyển sổ có bìa bằng da màu đen, góc bên phải có chữ màu vàng nhãn hiệu "RICOH MC-033", bên trong có nhiều trang giấy có dòng kẻ ngang, có một số trang có ghi chữ giấy vay tiền bằng mực màu đen và mực màu xanh.

- Phong tỏa tài khoản số 107005822651 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ViettinBank) chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đối với số tiền 26.000.000 đồng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Nguyễn Thị H.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án 20/3/2025, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Vi Anh Đ, chị Lê Thị Ánh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

(Bị cáo được kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Phương – Phạm Thị Bích Hường **Vương Thị Lan**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tp Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- UBND phường Đ, tp Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Người có QL & NVLQ
- Lưu hố sơ + TA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Lan